Present Participle and Perfect Participle

Điểm khác biệt	Present Participle (V-ing)	Perfect Participle (Having + V3)
Thời gian hành động	Xảy ra **đồng thời / ngay trước** hành động chính	Xảy ra **trước** hành động chính
Tương đương với mệnh đề	*When / While / As / Because / Before + S + V (hiện tại / quá khứ đơn)*	*After / When / Because + S + had + V3/ed*
Cấu trúc	V-ing + ...	Having + V3/ed
Ví dụ tiếng Anh	**Knowing** she was tired, I let her rest.	**Having finished** dinner, he went out.
Nghĩa tiếng Việt	Biết cô ấy mệt nên tôi để cô ấy nghỉ.	Sau khi ăn tối xong, anh ấy ra ngoài.

BÀI TẬP VẬN DUNG

Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu.

1. _____ the door, he turned on the light.
   a. Opened
   b. Opening
   c. Having opened
2. _____ the exam, she felt very happy.
   a. Finishing
   b. Finished
   c. Having finished

LIVEWORKSHEETS

3. _____ hard, he passed the test easily.
   a. Working
   b. Worked
   c. Having worked

4. _____ in London for years, she knows the city well.
   a. Living
   b. Having lived
   c. Lived

5. _____ her homework, she went out with friends.
   a. Doing
   b. Having done
   c. Done

6. _____ the project, they presented it to the teacher.
   a. Completing
   b. Completed
   c. Having completed

7. _____ she was late, she ran quickly.
   a. Knowing
   b. Having known
   c. Knew

8. _____ his coffee, he left the café.
   a. Drinking
   b. Drank
   c. Having drunk

9. _____ enough money, they bought a new house.
   a. Having saved
   b. Saving
   c. Saved

LIVEWORKSHEETS

10. _____ the weather was nice, we went for a walk.

a. Knowing

b. Having known

c. Know

✍️ BÀI TẬP TỰ LUẬN (10 câu)

Viết lại các câu sau dùng mệnh đề phân từ (Present hoặc Perfect Participle).

1. After he finished his homework, he watched TV.
   → _____
2. Before she leaves the house, she always checks her bag.
   → _____
3. Because I know him well, I trust him.
   → _____
4. After they had built the bridge, they opened it to the public.
   → _____
5. When I saw her crying, I came to help.
   → _____
6. Before we start the meeting, let's check the equipment.
   → _____
7. Because she studied hard, she passed the exam.
   → _____
8. After they had eaten dinner, they went for a walk.
   → _____

LIVEWORKSHEETS

9. Knowing he was busy, I didn't call him.

   → _____

10. After she had finished her presentation, she answered the questions.

   → _____

LIVEWORKSHEETS